

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: **02/2023/HNGĐ-ST**  
Ngày: 05/01/2023  
V/v ly hôn giữa chị H và anh T

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Duy An.

Ông Trần Văn Tiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Trần Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 427/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Điều H, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: ấp K, xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: ấp K, xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Chị H và anh T vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, lời trình bày tại các biên bản trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị Điều H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

vào ngày 19/10/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không còn khả năng hàn gắn nên từ năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân. Đến năm 2019, chị có làm đơn xin ly hôn với anh T nhưng vì thương con và anh T hứa sẽ thay đổi tính tình nên chị không đến tòa nữa và Tòa án đã đình chỉ vụ án. Tuy nhiên, từ năm 2019 đến nay anh T vẫn không thay đổi tính tình nên vợ chồng không hàn gắn được. Nay chị cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Chị và anh T đều có công việc và thu nhập ổn định nên chị không yêu cầu xem xét đến việc cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1999 và Lê Trọng N, sinh năm 2003; cả 02 con chung đều đã trưởng thành và có công việc ổn định nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Lê Văn T trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, hồ sơ khởi kiện photo theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh T.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa chị Lê Thị Điều H và anh Lê Văn T là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh T có nơi cư trú tại xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn anh T vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã tiến hành lập biên bản không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh T vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập

hợp lệ lần thứ 2; chị H có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Điều H và anh Lê Văn T kết hôn vào năm 1997, hôn nhân do anh chị tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 19/10/2004 (số 74/2004) nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Chị H xác định nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do cả hai có bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, không còn khả năng hàn gắn nên cả hai đã ly thân từ năm 2018. Xét thấy rằng, từ năm 2018 đến nay là một khoảng thời gian dài nhưng chị H và anh T vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần mở phiên hòa giải để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không tham gia phiên hòa giải; điều đó cho thấy, anh T không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ đó có cơ sở để xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân này sẽ ảnh hưởng đến đời sống bình thường của các thành viên trong gia đình nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 02 người con chung tên Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1999 (Theo Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp số 57 ngày 25/4/2001) và Lê Trọng N, sinh năm 2003 (Theo Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp số 217 ngày 12/11/2004). Chị H xác định cả 02 con chung đều đã trưởng thành và có công việc ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, anh T vắng mặt, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T về phần tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề này.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 147, 207, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Điều H ly hôn với anh Lê Văn T.
2. Về con chung: Có 02 người con chung tên Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1999 và Lê Trọng N, sinh năm 2003; con chung đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét.
4. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010461 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Đương sự đã nộp đủ án phí.

Chị H, anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Tiên Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký tên và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Ngọc Huyền**